TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 3 - 2022
V/v chị Nh xin ly hôn anh B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui
2. Ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn R, huyện N, tỉnh N

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 7, xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Đ.

Tại phiên tòa có mặt chị Nh, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 07/01/2022 cũng như lời khai của chị Trần Thị Nh trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B vào tháng 10/2004, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã Ph, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn, chị và anh B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2011 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 02/2012 đến

nay chị và anh B sống ly thân nhau. Nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung giữa chị anh Nguyễn Văn B có một con chung là Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 02/11/2011, hiện cháu Đ đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn B thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng anh B có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị Nh về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị Nh. Sau khi kết hôn, anh và chị Nh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2012 đến nay anh và chị Nh sống ly thân với nhau. Nay chị Nh xin ly hôn anh thì anh xác Đ tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Nh không còn nên anh nhất trí ly hôn chị Nh. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị Nh có một con chung là Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 02/11/2011, hiện cháu Đ đang do chị Nh nuôi dưỡng. Nay anh nhất trí để chị Nh tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Đ và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Về tài sản chung giữa anh và chị Trần Thị Nh thì anh không yêu cầu giải quyết. Do điều kiện công việc bận anh không tham gia phiên tòa được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội: xử thuận công nhận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 02/11/2011 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị Nh phải nộp theo quy đinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Văn B đều cư trú tại huyện N, tỉnh N, nay chị Nh xin ly hôn anh B và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ

án là phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng anh B đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Văn B được tổ chức kết hôn vào tháng 10/2004, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã Ph, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy Đ của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Nh và anh B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2011 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ tháng 6/2012 đế nay thì chị Nh và anh B sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nh và anh B đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Nh xin được ly hôn anh B và phía anh B cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Văn B có có một con chung là Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 02/11/2011, hiện cháu Đ đang do chị Nh nuôi dưỡng. Nay chị Nh và anh B đều thống nhất đề nghị giao cháu Đ cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Trần Thị Nh phải nộp theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội.

1- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Văn B.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Đ sinh ngày 02/11/2011 cho chị Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Nguyễn Tuấn Đ đang do chị Trần Thị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị Trần Thị Nh đối với cháu Nguyễn Tuấn Đ. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Nh phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Nh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001331 ngày 12/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nh, vắng mặt anh B. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng